TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-PT
Ngày 08-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: xx/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo N.H.P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: xx/2023/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B.T, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **N.H.P**, sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xx/x N.Đ.C, Khu phố x, phường A.H, thành phố B.T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.M và bà P.T.M.H; tiền án: tại Bản án hình sự số: xx/2015/HSST ngày 14/4/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B.T, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 09 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 16/9/2015, chưa chấp hành xong phần dân sự; tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định số: xx/QĐ-XPHC ngày 04/7/2011 của Trưởng Công an thành phố B.T, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tại Quyết định số: xx/QĐ-UB ngày 19/7/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố B.T, tỉnh Bến Tre đã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tại Quyết định số: xxxx/QĐ-UB ngày 27/10/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.T, tỉnh Bến Tre đã áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 17/10/2013). Tại Quyết định số: xx/QĐ-XPVPHC ngày 27/6/2014 của Trưởng Công an Phường x, thành

phố B.T, tỉnh Bến Tre xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tại Quyết định số: xx/QĐ-XPHC ngày 16/12/2014 của Phó Trưởng Công an thành phố B.T, tỉnh Bến Tre xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tại Quyết định số: xx/QĐ-XPVPHC ngày 06/02/2015 của Trưởng Công an Phường 1, thành phố B.T, tỉnh Bến Tre xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tại Bản án số: xx/2016/HSST ngày 09/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B.T, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 03 năm 06 tháng tù (chấp hành xong Bản án ngày 28/01/2019); bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N.H.P đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nhưng trong khoảng thời gian từ ngày 14/02/2022 đến ngày 19/10/2022 tiếp tục thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn thành phố B.T, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/02/2022, bị cáo N.H.P điều khiển xe môtô biển số 71F5-xxxx (xe của bà P.T.M.H, là mẹ ruột N.H.P) lưu thông trên đường V.V.K hướng từ Phường x đến xã B.P, thành phố B.T với mục đích tìm tài sản để lấy trộm. Khi đến nhà trọ số xx thuộc ấp B.T, xã B.P, thành phố B.T thì N.H.P nhìn thấy cửa rào mở nên dừng xe lại bên ngoài rồi đi đến phòng trọ số x thấy cửa phòng khép hờ, bên trong có bà M.T.D.T đang nằm ngủ, bên cạnh có 01 điện thoại di động hiệu OPPO R11S, màu hồng nên N.H.P vào lấy điện thoại rồi tẩu thoát. Sau đó, N.H.P đến khu vực bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu bán cho một người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ được 700.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hiện tài sản không thu hồi được.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số xxx/KL-HĐĐG ngày 30/12/2022 của Hội đồng định giá thành phố B.T kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO R11S, màu hồng, kính màn hình có 01 vết nứt khoảng 05cm, trị giá ngày 14/02/2022 là 1.300.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 13/3/2022, bị cáo N.H.P tiếp tục điều khiển xe môtô biển số 71F5-xxxx đi tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi đến tiệm "Gà ác Nhân Phương" ở số xx, đường xx/x thuộc Khu phố x, phường A.H, thành phố B.T, N.H.P dựng xe bên ngoài, đi vào tiệm thấy bà N.T.B.L đang ngồi, trên bàn có 01 điện thoại di động hiệu Samsung A01 có ốp lưng bằng nhựa màu xanh nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, N.H.P giả vờ hỏi mua nước uống, khi chị N.T.B.L quay lưng đi làm nước thì N.H.P lén lấy chiếc điện thoại rồi đi ra ngoài. Sau đó, N.H.P đến khu vực bệnh viện N.Đ.C bán cho một người không rõ họ tên,

địa chỉ được 600.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Hiện tài sản không thu hồi được.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số xxx/KL-HĐĐG ngày 30/12/2022 của Hội đồng định giá thành phố B.T kết luận 01 điện thoại di động hiệu Samsung A01, số model: SM-A015F/DS, màu xanh, bộ nhớ trong 16G, trị giá ngày 13/3/2022 là 800.000 đồng và 01 ốp lưng nhựa, màu xanh trị giá ngày 13/3/2022 là 10.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 19/10/2022, N.H.P tiếp tục điều khiển xe môtô biển số 71F5 - xxxx đi tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi đến nhà trọ Đ.H ở ấp x, xã S.Đ, thành phố B.T thì N.H.P thấy cửa rào mở nên dựng xe bên ngoài đi vào dãy nhà trọ. Tại đây, N.H.P thấy bà Đ.T.T.T đi ra ngoài đổ rác nhưng cửa phòng trọ không đóng nên đi vào lấy 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 8 Plus, màu vàng có ốp lưng bằng nhựa màu tím rồi đem đến Phường x bán cho N.N.N được 1.200.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Riêng N.N.N, sau đó đã bán lại chiếc điện thoại cho một người khác không rõ họ tên địa chỉ được 1.800.000 đồng. Hiện tài sản không thu hồi được. Tài sản tạm giữ: Xe môtô biển số 71F5 - xxxx.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số xxx/KL-HĐĐG ngày 22/11/2022 của Hội đồng định giá thành phố B.T kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 8 Plus, màu vàng, dung lượng 64Gb, trị giá ngày 19/10/2022 là 4.500.000 đồng và 01 ốp lưng nhựa, màu tím trị giá ngày 19/10/2022 là 50.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: xx/2023/HS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố B.T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo N.H.P phạm "Tội trộm cắp tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.H.P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/02/2023 bị cáo N.H.P kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo N.H.P phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp

sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo có nhân thân xấu; xét thấy mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù là phù hợp, kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo N.H.P 01 năm 03 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản". Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận và không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Mặc dù đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nhưng trong khoảng thời gian từ ngày 14/02/2022 đến ngày 19/10/2022, trên địa bàn thành phố B.T, tỉnh Bến Tre, bị cáo N.H.P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà M.T.D.T 01 điện thoại di động hiệu OPPO R11S, màu hồng, trị giá 1.300.000 đồng; chiếm đoạt của bà N.T.B.L 01 điện thoại di động hiệu Samsung A01 cùng ốp lưng trị giá 810.000 đồng và chiếm đoạt của bà Đ.T.T.T 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 8 Plus, màu vàng cùng ốp lưng trị giá 4.550.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo N.H.P chiếm đoạt của các bị hại là 6.660.000 đồng.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 03 điện thoại di động của các bị hại M.T.D.T, N.T.B.L và Đ.T.T.T với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.660.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nhân thân và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo N.H.P phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính, bị kết án về "Tội trộm cắp tài sản" và bị kết án về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo *"phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; *"tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo *thành khẩn khai báo* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân không tốt, đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản và tội tàng trữ trái phép chất ma túy; mặt khác bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong đó có 01 lần trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng (lần chiếm đoạt tài sản của bà Đ.T.T.T có giá trị 4.550.000 đồng), nên lần phạm tội này bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*tái phạm*" và "*phạm tội 02 lần trở lên*"; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật và tài sản của người khác, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây hoang mang lo sợ trong nhân dân trong việc quản lý tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra; tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không

được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.H.P; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: xx/2023/HS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố B.T, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.H.P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản";

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo N.H.P phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B.T (3b);
- VKSND thành phố B.T (1b);
- Công an thành phố B.T (1b);
- Chi cục THADS thành phố B.T (1b);
- UBND P. An Hội, Tp. Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Văn Thông

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA